

Số 4232*-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Báo cáo về việc công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 của các đơn vị dự toán;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Bộ Tài chính,
- Trung tâm CN & CDS (để đăng tải),
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.



Đoàn Minh Huân

Lê Thị Thu lethithu@hcma.vn lethithu 18/07/2026 16:40:57



Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	238.401	34.524	203.877	116.343,80	48,80	176,86
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	-	-		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	244.599	34.524	210.075	116.343,80		
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	6.198	-	6.198	-		
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	238.401	34.524	203.877	116.343,80		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	238.001	34.524	203.477	116.343,80		
	<i>Nghiên cứu cơ bản (Loại 100-101)</i>	170.477	-	170.477	99.053,48		
	<i>Nghiên cứu ứng dụng (Loại 100-102)</i>	35.178	22.178	13.000	11.386,92		
	<i>Phát triển công nghệ, phát triển giải pháp xã hội (100-103)</i>	12.346	12.346	-	5.903,40		
	<i>Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ (Loại 100-106)</i>	10.000	-	10.000	-		
	<i>Khoa học và công nghệ khác (Loại 100-108)</i>	10.000	-	10.000	-		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	400	-	400	-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.291.359	30.859	1.260.500	416.752,15		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	49.902	-	49.902	-		
	Dự toán được sử dụng	1.241.457	30.859	1.210.598	416.752,15	33,57	126,20
	- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-		
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-081)	332.008	27	331.981	115.985,56		
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	15.525	-	15.525	-		
	Dự toán được sử dụng	316.483	27	316.456	115.985,56		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	27	27	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	316.456	-	316.456	115.985,56		
3.2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-082)	-	-	-	-		
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	-	-	-	-		
	Dự toán được sử dụng	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-	-	-		
3.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-083)	942.361	30.832	911.529	299.712,03		
	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP	34.377	-	34.377	-		
	Dự toán được sử dụng	907.984	30.832	877.152	299.712,03		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.418	1.418	-	1.319,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	906.566	29.414	877.152	298.393,03		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
3.4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (Loại 070-085) <i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i> <i>Dự toán được sử dụng</i>	16.990	-	16.990	1.054,56		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	16.990	-	16.990	1.054,56		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-		
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	-		
6	Chi hoạt động kinh tế <i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i> <i>Dự toán được sử dụng</i>	7.000	-	7.000	2.650		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	727	-	727	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.273	-	6.273	2.650	42,24	345,50
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.273	-	6.273	2.650		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường <i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i> <i>Dự toán được sử dụng</i>	2.700	-	2.700	900		
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.700	-	2.700	900	33,33	49,81
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.700	-	2.700	900		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin <i>Trong đó: Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết 173/NĐ-CP</i>	600	-	600	-		
		-	-	-	-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm			Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
		Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao năm 2026			
	<i>Dự toán được sử dụng</i>	600	-	600	-		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	-		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	600	-	600	-		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-	-		
11	Chi viện trợ	224.230	2.830	221.400	11.068,75	4,94	104,96
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài						

Lê Thị Thu lethithu@hcmav.vn lethithu 18/07/2026 16:40:57

